

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 172/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1977(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn M Q, xã M N, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Q, sinh năm 1976(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn M Q, xã M N, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2018, là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Đỗ Thị Q.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về con: Anh T và chị Q chưa có con chung.
 - Về tài sản, công nợ: Anh T và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hai bên thỏa thuận Anh T phải nộp toàn bộ tiền án phí DSST là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006744 ngày 24/8/2018. Trả lại cho anh T 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N C;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THADS huyện N C;
- UBND xã Th B;
- Lưu hồ sơ 1, VP1, TH11.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Hữu Thắng

Ai Em Mi

NGÔ BẢO CHÂU - 3000 TỪ TIẾNG ANH BẰNG THƠ LỤC BÁT
Hello có nghĩa xin chào

Goodbye tạm biệt, thì thảo Wishper
 Lie nằm, Sleep ngủ, Dream mơ
 Thấy cô gái đẹp See girl beautiful
 I want tôi muốn, kiss hôn
 Lip môi, Eyes mắt ... sướng rồi ... oh yeah!
 Long dài, short ngắn, tall cao
 Here đây, there đó, which nào, where đâu
 Sentence có nghĩa là câu
 Lesson bài học, rainbow cầu vồng
 Husband là đức ông chồng
 Daddy cha bố, please don't xin đừng
 Darling tiếng gọi em cưng
 Merry vui thích, cái sừng là horn
 Rách rồi xài đỡ chữ torn
 To sing là hát, a song một bài
 Nói sai sự thật to lie
 Go đi, come đến, một vài là some
 Đứng stand, look ngó, lie nằm
 Five năm, four bốn, hold cầm, play chơi
 One life là một cuộc đời
 Happy sung sướng, laugh cười, cry kêu
 Lover tạm dịch người yêu
 Charming duyên dáng, mỹ miều graceful
 Mặt trăng là chữ the moon
 World là thế giới, sớm soon, lake hồ
 Dao knife, spoon muỗng, cuốc hoe
 Đêm night, dark tối, khổng lồ giant
 Fund vui, die chết, near gần
 Sorry xin lỗi, dull dần, wise khôn
 Burry có nghĩa là chôn
 Our souls tạm dịch linh hồn chúng ta
 Xe hơi du lịch là car
 Sir ngài, Lord đức, thưa bà Madam
 Thousand là đúng...mười trăm
 Ngày day, tuần week, year năm, hour giờ
 Wait there đứng đó đợi chờ
 Nightmare ác mộng, dream mơ, pray cầu
 Trừ ra except, deep sâu
 Daughter con gái, bridge cầu, pond ao
 Enter tạm dịch đi vào
 Thêm for tham dự lẽ nào lại sai
 Shoulder cứ dịch là vai
 Writer văn sĩ, cái đài radio
 A bowl là một cái tô

Chữ tear nước mắt, tomb mồ, miss cô
Máy khâu dùng tạm chữ sew
Kẻ thù địch đại là foe chẳng lầm
Shelter tạm dịch là hầm
Chữ shout là hét, nói thầm whisper
What time là hỏi mấy giờ
Clear trong, clean sạch, mờ mờ là dim
Gặp ông ta dịch see him
Swim bơi, wade lội, drown chìm chết trôi
Mountain là núi, hill đồi
Valley thung lũng, cây sồi oak tree
Tiền xin đóng học school fee
Yêu tôi dùng chữ love me chẳng lầm
Tò steal tạm dịch cầm nhảm
Tẩy chay boycott, gia cầm poultry
Cattle gia súc, ong bee
Something to eat chút gì để ăn
Lip môi, tongue lưỡi, teeth răng
Exam thi cử, cái bằng licence...
Lovely có nghĩa dễ thương
Pretty xinh đẹp thường thường so so
Lotto là chơi lô tô
Nấu ăn là cook , wash clothes giặt đồ
Push thì có nghĩa đẩy, xô
Marriage đám cưới, single độc thân
Foot thì có nghĩa bàn chân
Far là xa cách còn gần là near
Spoon có nghĩa cái thìa
Toán trừ subtract, toán chia divide
Dream thì có nghĩa giấc mơ
Month thì là tháng , thời giờ là time
Job thì có nghĩa việc làm
Lady phái nữ, phái nam gentleman
Close friend có nghĩa bạn thân
Leaf là chiếc lá, còn sun mặt trời
Fall down có nghĩa là rơi
Welcome chào đón, mời là invite
Short là ngắn, long là dài
Mũ thì là hat, chiếc hài là shoe
Autumn có nghĩa mùa thu
Summer mùa hạ , cái tù là jail
Duck là vịt , pig là heo
Rich là giàu có , còn nghèo là poor
Crab thì có nghĩa con cua

Church nhà thờ đó , còn chùa temple
 Aunt có nghĩa dì , cô
 Chair là cái ghế, cái hồ là pool
 Late là muộn , sớm là soon
 Hospital bệnh viện , school là trường
 Dew thì có nghĩa là sương
 Happy vui vẻ, chán chường weary
 Exam có nghĩa kỳ thi
 Nervous nhút nhát, mommy mẹ hiền.
 Region có nghĩa là miền,
 Interrupted gián đoạn còn liền next to.
 Coins dùng chỉ những đồng xu,
 Còn đồng tiền giấy paper money.
 Here chỉ dùng để chỉ tại đây,
 A moment một lát còn ngay ringht now,
 Brothers-in-law đồng hao.
 Farm-work đồng áng, đồng bào Fellow- countryman
 Narrow- minded chỉ sự nhỏ nhen,
 Open-headed hào phóng còn hèn là mean.
 Vẫn còn dùng chữ still,
 Kỹ năng là chữ skill khó gì!
 Gold là vàng, graphite than chì.
 Munia tên gọi chim ri
 Kestrel chim cắt có gì khó đâu.
 Migrant kite là chú diều hâu
 Warbler chim chích, hải âu petrel
 Stupid có nghĩa là khờ,
 Đảo lên đảo xuống, stir nhiều nhiều.
 How many có nghĩa bao nhiêu.
 Too much nhiều quá , a few một vài
 Right là đúng , wrong là sai
 Chess là cờ tướng , đánh bài playing card
 Flower có nghĩa là hoa
 Hair là mái tóc, da là skin
 Buổi sáng thì là morning
 King là vua chúa, còn Queen nữ hoàng
 Wander có nghĩa lang thang
 Màu đỏ là red, màu vàng yellow
 Yes là đúng, không là no
 Fast là nhanh chóng, slow chậm rì
 Sleep là ngủ, go là đi
 Weakly ốm yếu healthy mạnh lành
 White là trắng, green là xanh
 Hard là chăm chỉ , học hành study

Ngọt là sweet, kẹo candy
 Butterfly là bướm, bee là con ong
 River có nghĩa dòng sông
 Wait for có nghĩa ngóng trông đợi chờ
 Dirty có nghĩa là dơ
 Bánh mì bread, còn bơ butter
 Bác sĩ thì là doctor
 Y tá là nurse, teacher giáo viên
 Mad dùng chỉ những kẻ điên,
 Everywhere có nghĩa mọi miền gần xa.
 A song chỉ một bài ca.
 Ngôi sao dùng chữ star, có liền!
 Firstly có nghĩa trước tiên
 Silver là bạc , còn tiền money
 Biscuit thì là bánh quy
 Can là có thể, please vui lòng
 Winter có nghĩa mùa đông
 Iron là sắt còn đồng copper
 Kẻ giết người là killer
 Cảnh sát police , lawyer luật sư
 Emigrate là di cư
 Bưu điện post office, thư từ là mail
 Follow có nghĩa đi theo
 Shopping mua sắm còn sale bán hàng
 Space có nghĩa không gian
 Hàng trăm hundred, hàng ngàn thousand
 Stupid có nghĩa ngu đần
 Thông minh smart, equation phương trình
 Television là truyền hình
 Băng ghi âm là tape, chương trình program
 Hear là nghe watch là xem
 Electric là điện còn lamp bóng đèn
 Praise có nghĩa ngợi khen
 Crowd đông đúc, lấn chen hustle
 Capital là thủ đô
 City thành phố , local địa phương
 Country có nghĩa quê hương
 Field là đồng ruộng còn vườn garden
 Chốc lát là chữ moment
 Fish là con cá , chicken gà tơ
 Naive có nghĩa ngây thơ
 Poet thi sĩ , great writer văn hào
 Tall thì có nghĩa là cao
 Short là thấp ngắn, còn chào hello

Uncle là bác, elders cô.
 Shy mắc cỡ, coarse là thô.
 Come on có nghĩa mời vô,
 Go away đuổi cút, còn vồ pounce.
 Poem có nghĩa là thơ,
 Strong khoẻ mạnh, mệt phờ dog- tiered.
 Bầu trời thường gọi sky,
 Life là sự sống còn die là đời
 Shed tears có nghĩa lệ rơi
 Fully là đủ, nửa vời by halves
 Ở lại dùng chữ stay,
 Bỏ đi là leave còn nằm là lie.
 Tomorrow có nghĩa ngày mai
 Hoa sen lotus, hoa lài jasmine
 Madman có nghĩa người điên
 Private có nghĩa là riêng của mình
 Cảm giác là chữ feeling
 Camera máy ảnh hình là photo
 Động vật là animal
 Big là to lớn , little nhỏ nhoi
 Elephant là con voi
 Goby cá bống, cá mòi sardine
 Mỏng mảnh thì là chữ thin
 Cổ là chữ neck, còn chin cái cằm
 Visit có nghĩa viếng thăm
 Lie down có nghĩa là nằm nghỉ ngơi
 Mouse con chuột , bat con dơi
 Separate có nghĩa tách rời , chia ra
 Gift thì có nghĩa món quà
 Guest thì là khách chủ nhà house owner
 Bệnh ung thư là cancer
 Lối ra exit , enter đi vào
 Up lên còn xuống là down
 Beside bên cạnh , about khoảng chừng
 Stop có nghĩa là ngừng
 Ocean là biển , rừng là jungle
 Silly là kẻ dại khờ,
 Khôn ngoan smart, đờ đờ luggish
 Hôn là kiss, kiss thật lâu.
 Cửa sổ là chữ window
 Special đặc biệt normal thường thôi
 Lazy... làm biếng quá rồi
 Ngồi mà viết tiếp một hồi die soon
 Húng thì cứ việc go on,

Còn không stop ta còn nghỉ ngơi!
 Cầm CHIN có BEARD là râu
 RAZOR dao cạo, HEAD đầu, da SKIN
 THOUSAND thì gọi là nghìn
 BILLION là tỷ, LOOK nhìn , rồi THEN
 LOVE MONEY quý đồng tiền
 Đầu tư INVEST, có quyền RIGHTFUL
 WINDY RAIN STORM bão bùng
 MID NIGHT bán dạ, anh hùng HERO
 COME ON xin cứ nhào vô
 NO FEAR hồng sợ, các cô LADIES
 Con cò STORKE, FLY bay
 Mây CLOUD, AT ở, BLUE SKY xanh trời
 OH! MY GOD...! Ồi! Trời ơi
 MIND YOU. Lưu ý WORD lời nói say
 HERE AND THERE, đó cùng đây
 TRAVEL du lịch, FULL đầy, SMART khôn
 Cô đơn ta dịch ALONE
 Anh văn ENGLISH , nỗi buồn SORROW
 Muốn yêu là WANT TO LOVE
 OLDMAN ông lão, bắt đầu BEGIN
 EAT ăn, LEARN học, LOOK nhìn
 EASY TO FORGET dễ quên
 BECAUSE là bởi ... cho nên , DUMP đùn
 VIETNAMESE , người nước Nam
 NEED TO KNOW... biết nó cần lắm thay
 SINCE từ, BEFORE trước, NOW nay
 Đèn LAMP, sách BOOK, đêm NIGHT, SIT ngồi
 SORRY thương xót, ME tôi
 PLEASE DON" T LAUGH đừng cười, làm ơn
 FAR Xa, NEAR gọi là gần
 WEDDING lễ cưới, DIAMOND kim cương
 SO CUTE là quá dễ thương
 SHOPPING mua sắm, có sương FOGGY
 SKINNY ốm nhách, FAT: phì
 FIGHTING: chiến đấu, quá lý STUBBORN
 COTTON ta dịch bông gòn
 A WELL là giếng, đường mòn là TRAIL
 POEM có nghĩa làm thơ,
 POET Thi Sĩ nên mơ mộng nhiều.
 ONEWAY nghĩa nó một chiều,
 THE FIELD đồng ruộng, con diều là KITE.
 Của tôi có nghĩa là MINE,
 TO BITE là cắn, TO FIND kiếm tìm

TO CARVE xắt mỏng, HEART tim,
 DRIER máy sấy, đắm chìm TO SINK.
 FEELING cảm giác, nghĩ THINK
 PRINT có nghĩa là in, DARK mờ
 LETTER có nghĩa lá thư,
 TO LIVE là sông, đơn sơ SIMPLE.
 CLOCK là cái đồng hồ,
 CROWN vương niệm, mã mồ GRAVE.
 KING vua, nói nhảm TO RAVE,
 BRAVE can đảm, TO PAVE lát đường.
 SCHOOL nghĩa nó là trường,
 LOLLY là kẹo, còn đường SUGAR.
 Station trạm GARE nhà ga
 FISH SAUCE nước mắm, TOMATO là cá chua
 EVEN huê, WIN thắng, LOSE thua
 TURTLE là một con rùa
 SHARK là cá mập, CRAB cua, CLAW càng
 COMPLETE là được hoàn toàn
 FISHING câu cá, DRILL khoan, PUNCTURE dùi
 LEPER là một người cùi
 CLINIC phòng mạch, sần sùi LUMPY
 IN DANGER bị lâm nguy
 Giải phẫu nhỏ là SUGERY đúng rồi
 NO MORE ta dịch là thôi
 AGAIN làm nữa, bồi hồi FRETTEY
 Phô mai ta dịch là CHEESE
 CAKE là bánh ngọt, còn mì NOODLE
 ORANGE cam, táo APPLE
 JACK-FRUIT trái mít, VEGETABLE là rau
 CUSTARD-APPLE mãng cầu
 PRUNE là trái táo tàu, SOUND âm
 LOVELY có nghĩa dễ thương
 PRETTY xinh đẹp, thường thường SO SO
 LOTTO là chơi lô tô
 Nấu ăn là COOK , WASH CLOTHES giặt đồ
 PUSH thì có nghĩa đẩy, xô
 MARRIAGE đám cưới, SINGLE độc thân
 FOOT thì có nghĩa bàn chân
 FAR là xa cách, còn gần là NEAR
 SPOON có nghĩa cái thìa
 Toán trừ SUBTRACT, toán chia DIVIDE
 PLOUGH tức là đi cày
 WEEK tuần MONTH tháng, WHAT TIME mấy giờ

